

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HNGĐ-ST
Ngày 11-9-2020
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thường.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phương.

2. Ông Đinh Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26-8-2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh S trình bày:

Ông S và bà Phạm Thị N tự nguyện chung sống từ năm 1986 tại huyện H, tỉnh Nam Định. Năm 1988, ông và bà N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 25-12-1988. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Nay ông thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vợ chồng đã sống ly thân nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng có 05 con chung là: Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1989; Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1992; Nguyễn Việt T, sinh năm 1995 và Nguyễn Thành G, sinh năm 1997. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 11-5-2020, ông S yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, diện tích 339m², trên đất có 02 căn nhà. Nay ông S rút yêu cầu chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị N trình bày:

Bà và ông S tự nguyện chung sống từ năm 1986, đăng ký kết hôn vào năm 1988 và có 05 con chung như ông S trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2010, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông S ngoại tình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông S thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến vợ con, không đưa tiền cho bà lo sinh hoạt gia đình. Khi vợ chồng mâu thuẫn, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay ông S yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý vì bà theo đạo thiên chúa giáo.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, diện tích 339m², trên đất có 02 căn nhà gồm: 01 căn nhà diện tích 170m², 01 căn diện tích 32m². Nay ông S không yêu cầu Tòa án phân chia thì bà nhất trí.

Về nợ chung: Vợ chồng còn nợ tổng cộng là 940.000.000đ (chín trăm bốn mươi triệu đồng). Nay bà không yêu cầu Tòa án phân chia nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã trực tiếp triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vụ án là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông S được ly hôn với bà N; Về con chung: Không xem xét; Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Minh S khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn với bà Phạm Thị N nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà N là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2020, quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” nên áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông S và bà N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà N là hôn nhân hợp pháp.

ông S cho rằng, từ năm 2010, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, bà N cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do ông S ngoại tình dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Xét thấy lời khai của ông S và bà N đều thống nhất xác định vợ chồng có mâu thuẫn dẫn đến không có lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau. bà N không đồng ý ly hôn nhưng không chứng minh được đời sống chung vợ chồng còn hạnh phúc, không đưa ra được hướng giải quyết mâu thuẫn trong gia đình, bỏ mặc tình cảm vợ chồng, không tham gia phiên tòa.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông S và bà N là có thật và đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho ông S được ly hôn với bà N.

[3.2] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, ông S không yêu cầu giải quyết về nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Ông S yêu cầu chia tài sản chung là nhà, đất thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 14-8-2020, ông S xin rút phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N có yêu cầu phân chia nợ chung là 940.000.000đ (chín trăm bốn mươi triệu đồng). Tại buổi hòa giải ngày 14-8-2020, bà N xác định không yêu cầu phân chia nợ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí: ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh S đối với bà Phạm Thị N về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh S được ly hôn với bà Phạm Thị N.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung khi ly hôn của ông Nguyễn Minh S.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh S được miễn nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Bùi Xuân Thường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Thường

